

Bản án số: 592/2025/HS-ST
Ngày 12-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Lộc.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Hữu Nam;

Bà Lê Thị Mỹ;

Bà Nguyễn Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 12 tháng 9 năm 2025 tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 122/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5147/2025/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Bùi Thanh T sinh năm 1985 tại tỉnh Hòa Bình (nay là tỉnh Phú Thọ); nơi thường trú: khu phố Khang Ch, thị trấn Hàng Tr, huyện Yên Th, tỉnh Hòa Bình (nay là xã Yên Th, tỉnh Phú Thọ), nơi tạm trú: Số X, đường Trần Khánh D, khu phố Thắng L2, phường Dĩ A, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Thanh T2 và bà Bùi Thị L; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam từ ngày 02 tháng 01 năm 2024 cho đến nay, có mặt.

2. Vũ Thị Th2 sinh năm 1990 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); nơi cư trú: Số X3 đường số X3, phường Tam B, thành phố Thủ Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tam B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nhân viên văn phòng; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc Tr2 và bà Trần Thị

H3; có chồng (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

3. Vũ Đình H4 sinh năm 1987 tại tỉnh Nam Định (nay là tỉnh Ninh Bình); nơi thường trú: Thôn X, xã Lộc A, huyện Bảo L2, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Bảo L2, tỉnh Lâm Đồng), nơi tạm trú: Số X3, phường Tam B, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Tam B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Ngọc Tr2 và bà Trần Thị H3; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh T*: Bà Phạm Thị Minh T2 – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình H4*: Ông Phạm Văn Ch2 - Luật sư Công ty Luật TNHH H2 – chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt khi tuyên án;

- *Bị hại*:

1. Ông Phạm Hùng C2, sinh năm 1980; nơi thường trú: Số X5, đường số A, khu phố X6, phường Trường Th2, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh), nơi tạm trú: Số A3, đường D, Trung tâm hành chính Dĩ A, phường Dĩ A, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt khi tuyên án;

2. Bà Trần Thị L4, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số X7, đường Phạm Ngũ L2, khu phố Thống Nh3, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương (nay là phường Dĩ A, Thành phố Hồ Chí Minh), có mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Trần Minh Kh3, sinh năm 1981; nơi cư trú: B2, khu phố Đông B, phường Đông H3, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương (nay là phường Đông H3, Thành phố Hồ Chí Minh), vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh T làm nghề môi giới kinh doanh bất động sản. Do cần tiền để tiêu xài nên từ năm 2019 đến ngày 02/01/2024, T đã đưa ra thông tin gian dối, làm giả 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán đất giữa T với ông Phạm Công M2, 02 Hợp đồng đặt cọc mua bán đất giữa T với ông Phạm Văn Th4 đối với các thửa đất 178, 179, 180,

cùng tờ bản đồ Số X3, địa chỉ phường Linh T3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (không có thật) và đặt làm giả 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) đứng tên ông Phạm Văn Th4 để lừa dối bà Trần Thị L4 và ông Phạm Hùng C2, nhằm làm cho bà L4 và ông C2 tin tưởng T đang đặt cọc, đầu tư mua lại các thửa đất trên từ ông Phạm Công M2 và ông Phạm Văn Th4 (02 người này không có thật, thông tin nhân thân, lai lịch do tự T nghĩ ra) đồng ý góp vốn với T, từ đó T chiếm đoạt của bà L4 và ông C2 với tổng số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng, cụ thể như sau:

**Hành vi chiếm đoạt tiền của bà Trần Thị L4:*

Bùi Thanh T và bà Trần Thị L4 quen biết với nhau do cùng làm nghề môi giới kinh doanh bất động sản. Cuối năm 2019, T vay của bà L4 số tiền 200.000.000 đồng. Đến đầu năm 2020 do không có tiền trả nợ cho bà L4 nên T nói là T đã đặt cọc cho ông Phạm Công M2 số tiền 2.000.000.000 đồng để mua các thửa đất 178, 179, 180, cùng tờ bản đồ Số X3, tọa lạc tại phường Linh T3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 19.500.000.000 đồng. T cùng ông M2 đang thực hiện thủ tục tách thửa đất trên thành 11 thửa đất khác nhau. Đồng thời, T đề nghị bà L4 góp vốn 200.000.000 đồng mà bà L4 đã cho T vay trước đó vào thửa đất nêu trên, để sau khi T và ông M2 hoàn tất việc mua bán thì T sẽ bán ra thị trường với giá cao hơn, chia lợi nhuận cho bà L4 theo tỷ lệ vốn góp. Do tin tưởng nên bà L4 đồng ý góp số tiền 200.000.000 đồng đã cho T vay để đầu tư mua thửa đất nêu trên.

Thời gian sau đó, T nhiều lần vay mượn tiền của bà L4, mỗi lần vay tiền T đều nói với bà L4 số tiền vay sẽ được tính vào tiền góp vốn mua các thửa đất 178, 179, 180 nêu trên. Đến thời điểm tháng 01/2023, T xác nhận tổng số tiền mà bà L4 đã giao cho T là 3.000.000.000 đồng. Lúc này, T nói với bà L4 trong tổng số 11 thửa đất được tách ra từ các thửa đất 178, 179, 180 thì T sẽ bán lại cho bà L4 01 thửa (lô Số X3 do T tự đánh dấu) tương đương với số tiền 3.000.000.000 đồng mà bà L4 đã góp vốn với T. Khi nghe T nói như vậy thì bà L4 đồng ý và lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/01/2023 để ghi nhận thỏa thuận trên giữa T và bà L4.

**Hành vi chiếm đoạt tiền của ông Phạm Hùng C2:*

Sau khi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà L4, T tiếp tục nói với bà L4 hiện T đang cần người góp vốn chung để hoàn tất việc mua bán các thửa đất 178, 179, 180 nêu trên với ông M2. Do đó, bà L4 kiếm được người thì giới thiệu cho T để cùng góp vốn. Giữa bà L4 và ông Phạm Hùng C2 quen biết với nhau qua việc kinh doanh bất động sản nên bà L4 đã giới thiệu ông C2 góp vốn với T để đầu tư mua lại thửa đất trên. Sau khi được bà L4 giới thiệu, đến tháng 05/2022, T nói với ông C2 các thửa đất 178, 179, 180 đã được T thỏa thuận mua lại của ông Phạm Công M2 với giá

19.500.000.000 đồng, hiện T đang phối hợp với ông M2 tách thửa đất trên ra thành 11 thửa đất khác nhau và T đã giao cho ông M2 10.000.000.000 đồng tiền đặt cọc và 2.000.000.000 đồng để đóng thuế thổ cư cho 11 thửa đất sau khi tách được. Nếu ông C2 đồng ý góp vốn với T thì ông C2 có trách nhiệm góp số tiền còn lại 9.500.000.000 đồng để thanh toán tiền mua đất cho ông M2. Để ông C2 tin tưởng, T đưa cho ông C2 và bà L4 xem 01 Hợp đồng đặt cọc ngày 12/5/2020 giữa T và ông Phạm Công M2 thỏa thuận đặt cọc mua bán thửa đất 178, 179, 180 (T làm giả trước đó, thông tin về nhân thân lại lịch ông Phạm Công M2 và thông tin thửa đất 178, 179, 180 do T tự nghĩ ra và điền vào nội dung Hợp đồng đặt cọc). Từ thông tin và tài liệu T đưa ra, ông C2 tin tưởng đồng ý góp vốn chung với T để mua lại các thửa đất trên. Sau đó, ông C2 đã nhiều lần giao tiền cho T để góp vốn chung với tổng số tiền 1.500.000.000 đồng. Đến khoảng cuối năm 2022, sau nhiều lần ông C2 và bà L4 hỏi về tiến độ thực hiện việc mua bán thửa đất trên với ông Phạm Công M2 và để tiếp tục che giấu hành vi gian dối của mình, T nói với ông C2 và bà L4 do ông Phạm Công M2 đã chết nên ông Phạm Văn Th4 là cha ruột của ông M2 đang thực hiện thủ tục nhận thừa kế. T đã thỏa thuận với ông Th4 và đã được ông Th4 đồng ý tiếp tục bán lại cho T thửa đất trên, hiện T đang cùng ông Th4 thực hiện các thủ tục nhận thừa kế, hoàn tất việc tách thửa cho thửa đất trên. Để ông C2 và bà L4 tin tưởng, T làm giả 01 Hợp đồng đặt cọc mua bán các thửa đất 178, 179, 180 giữa T và ông Th4 ngày 02/10/2022 để đưa cho ông C2 và bà L4 xem. Để đảm bảo cho số tiền 1.500.000.000 đồng mình đã góp vốn cho T mua đất, ông C2 yêu cầu T và bà L4 phải lập văn bản thỏa thuận và xác nhận số tiền mà C2 đã giao cho T. Do đó, vào tháng 01/2023 các bên lập Văn bản cung cấp thông tin và thỏa thuận hùn hạp để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/5/2022. Do việc mua bán không có trên thực tế, T tiếp tục đưa ra lý do ông Th4 bị bệnh ung thư, đang điều trị ở Hoa Kỳ nên chưa thực hiện xong việc tách thửa, ra sổ được nên phải lùi thời hạn ký công chứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông Th4. Đến đầu tháng 12/2023, do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân, T lên mạng xã hội tìm hiểu và được một tài khoản zalo “F” kết bạn và trao đổi việc làm giả tài liệu. Qua trao đổi, T đồng ý nhờ chủ tài khoản “F” làm giả 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Phạm Văn Th4, sinh năm 1946, căn cước công dân số: 02704633xxxx, nơi cư trú: Hoàng Hoa Th5, quận Thanh X, thành phố Hà Nội với giá 6.500.000 đồng/giấy nhằm mục đích sử dụng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để đưa cho bà L4 và ông C2 làm cho 02 người trên tin tưởng ông Th4 đã thực hiện việc tách thửa xong đối với thửa đất 178, 179, 180 và đã được cấp giấy chứng nhận, chỉ còn chờ gặp để ký công chứng chuyển nhượng. Thời gian sau đó, đối tượng có tài khoản zalo “F” làm xong 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả rồi giao cho Vũ Đình H4 để H4 đem giao cho T. Sau khi nhận được 11 Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất giả từ H4 giao đến, T hẹn gặp bà L4 và ông C2. Theo thỏa thuận, ngày 02/01/2024, T điều khiển xe ô tô biển số 60A-981.xx đến gặp bà L4 và ông C2 tại quán cà phê M3, thuộc số V3, đường C, khu phố Nhị Đồng 2, phường Dĩ A, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương nhận số tiền góp vốn 1.000.000.000 đồng từ ông C2. Tại đây, T trực tiếp đưa cho ông C2 xem 10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả ghi thông tin số sổ: CB 7839XX, CB 7839XX, XX 7839XX, 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho người sử dụng đất là ông Phạm Văn Th4. Sau khi được T cho xem 10 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên, do tin tưởng các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là thật nên ông C2 đã trực tiếp giao cho T số tiền 1.000.000.000 đồng để tiếp tục góp vốn với T. Sau khi nhận tiền từ ông C2 và viết xác nhận góp vốn số tiền 1.000.000.000 đồng thì T bị tổ công tác của Cục Cảnh sát hình sự - Bộ Công an phát hiện, bắt quả tang và lập biên bản ghi nhận toàn bộ hành vi phạm tội của T.

- *Thu giữ của Bùi Thanh T:*

+ 01 (một) Hợp đồng cầm đồ xe ô tô 60A-981.xx từ ngày 25/12/2023 đến 25/01/2024 giữa tiệm cầm đồ Linh với Bùi Thanh T (thu giữ khi kiểm tra xe ô tô biển số 60A-981.xx);

+ 02 (hai) “Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” ngày 02/10/2022 và 03/12/2022 giữa Phạm Văn Th4 và Bùi Thanh T, được khoanh tròn ký hiệu số 1 và 2 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) “Trích lục bản đồ địa chính” (không số, ngày, tháng, năm) ghi thông tin thửa đất 12, tờ bản đồ 22, tại đường D, phường Linh T3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trên tài liệu có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 3 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) “Trích lục bản đồ địa chính” số 207/SĐ-TL/P ngày 26/05/2022 ghi thông tin thửa đất 12, tờ bản đồ 22, tại đường D, phường Linh T3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, trên tài liệu có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 4 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 1 và trang 2 của giấy) số sổ CB 7839XX người sử dụng đất Phạm Văn Th4, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 306533 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2023, tại trang 02 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 5 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 3 và trang 4 của giấy), trang

04 ghi mã vạch 2681823015596, tại trang 03 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 6 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 1 và trang 2 của giấy) số sổ CB 7839XX người sử dụng đất Phạm Văn Th4, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 306392 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2023, tại trang 02 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 7 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 3 và trang 4 của giấy), trang 04 ghi mã vạch 2681823015598, tại trang 03 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 8 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 1 và trang 2 của giấy) số sổ CB 7839XX người sử dụng đất Phạm Văn Th4, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 06581 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2023, tại trang 02 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 9 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 3 và trang 4 của giấy), trang 04 ghi mã vạch 2681823015597, tại trang 03 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu Số X3 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 1 và trang 2 của giấy) số sổ CB 7839XX người sử dụng đất Phạm Văn Th4, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 3060XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2023, tại trang 02 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 11 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 3 và trang 4 của giấy), trang 04 ghi mã vạch 2681823015603, tại trang 03 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 12 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 1 và trang 2 của giấy) số sổ CB 7839XX người sử dụng đất Phạm Văn Th4, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 3065XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày

07/12/2023, tại trang 02 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 13 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 3 và trang 4 của giấy), trang 04 ghi mã vạch 2681823015602, tại trang 03 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 14 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 1 và trang 2 của giấy) số sổ CB 7839XX người sử dụng đất Phạm Văn Th4, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS 3064XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/12/2023, tại trang 02 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 15 (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đã bị xé đôi, ghi nhận trang 3 và trang 4 của giấy), trang 04 ghi mã vạch 2681823015595, tại trang 03 có chữ ký, chữ viết họ tên “Bùi Thanh T” được khoanh tròn ký hiệu số 16 (thu giữ khi khám xét);

+ 10 (mười) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số sổ: CB 7839XX, CB 7839XX, XX 7839XX, 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX, CB 7839XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho người sử dụng đất là ông Phạm Văn Th4;

*Căn cứ các Kết luận giám định:

+ Kết luận giám định số 1935/KL-KTHS(TL) ngày 10/7/2024 và Kết luận giám định số 2792/KL-KTHS(TL) ngày 31/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương: Các tài liệu thu giữ (bút lục 548 đến bút lục 561 và bút lục 568 đến bút lục 587) nêu trên đều là tài liệu giả;

- *Thu giữ từ Trần Thị L4:*

+ 01 (một) “Hợp đồng cho cá nhân vay tiền” ngày 25/3/2020 giữa Trần Thị L4 và Bùi Thanh T (do Lê giao nộp);

+ 01 (một) “Giấy mượn tiền” giữa Bùi Thanh T và Trần Thị L4 thể hiện nội dung T vay của Lê số tiền 500.000.000 đồng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/6/2021 (do Lê giao nộp);

+ 01 (một) “Biên bản thỏa thuận góp vốn kinh doanh” ngày 01/01/2021 giữa Bùi Thanh T và Trần Thị L4 (do Lê giao nộp);

+ 01 (một) “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 20/01/2023 giữa Bùi Thanh T và Trần Thị L4 (do Lê giao nộp);

+ 01 (một) “Văn bản cung cấp thông tin và thỏa thuận hùn hạp để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 08/5/2022 giữa Bùi Thanh T, Trần Thị L4 và Phạm Hùng C2;

Căn cứ Kết luận giám định số: 2840/KL-KTHS(TL-ĐV) ngày 30/8/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

- Chữ ký, chữ viết và 02 dấu vân tay tên Trần Thị L4 trên các tài liệu “Giấy mượn tiền ngày 01/01/2020”; “Hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 25/3/2020”; “Biên bản góp vốn kinh doanh ngày 01/01/2021”; “Văn bản cung cấp thông tin và hùn hạp để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/5/2022”; “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/01/2023” do cùng một người ký, viết và in ra;

- Chữ ký, chữ viết và 02 dấu vân tay tên Bùi Thanh T trên các tài liệu “Giấy mượn tiền ngày 01/01/2020”; “Hợp đồng cá nhân vay tiền ngày 25/3/2020”; “Biên bản góp vốn kinh doanh ngày 01/01/2021”; “Văn bản cung cấp thông tin và hùn hạp để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/5/2022”; “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/01/2023”; “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2022 và 03/12/2022” do cùng một người ký, viết và in ra;

- Chữ ký, chữ viết tên Phạm Hùng C2 trên tài liệu “Văn bản cung cấp thông tin và hùn hạp để cùng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/5/2022”; do cùng một người ký, viết và in ra;

- Chữ ký, chữ viết và 02 dấu vân tay tên Phạm Văn Th4 trên các tài liệu “Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 02/10/2022 và 03/12/2022” so với chữ viết của Bùi Thanh T trên các mẫu do cùng một người viết ra;

Ngày 02/01/2024, qua làm việc với ông Trần Minh Kh3, sinh năm 1980, nơi cư trú phường Đông H3, thành phố Dĩ A, tỉnh Bình Dương; Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an xác định, do thiếu tiền tiêu xài, T cầm cố xe ô tô 60A-981.xx của bà L4 cho ông Khanh để vay số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 31/12/2023, T thanh toán cho ông Khanh số tiền 77.500.000 đồng để lấy xe ô tô nêu trên về, số tiền còn nợ lại ông Khanh là 22.500.000 đồng thì T sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giấy tờ giả) số CB 7839XX tên Phạm Văn Th4 đưa cho ông Khanh để đảm bảo nghĩa vụ trả lại số tiền trên.

- *Thu giữ của ông Trần Minh Kh3:*

+ 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số sổ CB 7839XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho người sử dụng đất là ông Phạm Văn Th4.

* Căn cứ Kết luận giám định số: 5770/KL-KTH (TL) ngày 20/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương: 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số sổ CB 7839XX do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho người sử dụng đất là ông Phạm Văn Th4 là tài liệu giả.

**Đối với hành vi phạm tội của Vũ Đình H4, Vũ Thị Th2:*

Vào khoảng cuối năm 2023, do có nhu cầu đi du lịch Nhật Bản, qua tìm hiểu để đi qua Nhật Bản du lịch cần chứng minh tài chính 200.000.000 đồng. Vũ Thị Th2 lên mạng xã hội tìm chỗ làm giả 01 giấy xác nhận số dư tài khoản 200.000.000 đồng của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) nhằm mục đích làm thủ tục đi du lịch tại Nhật Bản. Sau đó, Th2 được một người đàn ông tên tài khoản zalo “F” kết bạn và làm giả cho Th2 tài liệu trên. Thời gian sau đó, Th2 tiếp tục nhờ tài khoản zalo “F” làm giả thêm cho Th2 01 Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở do Phòng giáo dục và đào tạo huyện Thống Nh3, tỉnh Đồng Nai cấp cho Lê Minh Th4 ngày 15/9/2020 và 03 bản sao bằng tốt nghiệp nêu trên do Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh chứng thực. Quá trình nhắn tin trao đổi với người có tài khoản zalo “F”, Th2 hỏi người này có công việc nào giới thiệu cho anh ruột Th2 là Vũ Đình H4 làm. Người này đồng ý nhận H4 làm nhiệm vụ giao tài liệu giả cho khách và trả tiền công từ 145.000 đồng đến 165.000 đồng trên mỗi đơn hàng giao thành công. Đồng thời, yêu cầu Th2 đưa số điện thoại của H4 để kết bạn zalo nhằm mục đích trao đổi công việc thực hiện. Sau khi thống nhất, tài khoản zalo “F”, “Cao K” và “Son Ng3” kết bạn với H4. Hàng ngày, H4 nhắn tin với tài khoản zalo “F”, “Cao K” để nhận thông tin, số điện thoại và vị trí của khách đặt tài liệu giả để đi giao. Sau khi nhận công việc, H4 tiếp tục nhắn tin và trực tiếp gặp người đàn ông có tài khoản “Son Ng3” để nhận tài liệu rồi đi giao. Ban đầu, H4 không biết được các tài liệu H4 giao là tài liệu giả. Tuy nhiên, sau khi giao được 04 - 05 đơn hàng thì H4 thấy việc giao tài liệu ở những nơi vắng vẻ và lén lút. Do đó, H4 đã hỏi Th2 và người đàn ông có tài khoản zalo “F” thì được 02 người này nói là tài liệu giả và kêu H4 tiếp tục đi giao. Do lợi nhuận thu được cao, vợ vừa mới sinh con nhỏ, bản thân lại đang thất nghiệp nên H4 đã đồng ý tiếp tục thực hiện việc giao tài liệu giả cho đến ngày 04/01/2024 H4 liên hệ với Bùi Thanh T để giao cho T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đứng tên Bùi Thanh T thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an triệu tập về làm việc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an thu giữ từ Vũ Đình H4 tổng số **22 tài liệu giả** chưa được H4 kịp giao cho khách. Quá trình điều tra, H4 và Th2 đã thừa nhận hành vi phạm tội.

- Thu giữ của Vũ Đình H4:

+ 01 (một) “Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn” số CV 2375XX do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Quận X – Phòng giao dịch Hiệp Thành cấp cho chủ sở hữu TU NGOC AN (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CK 6354XX tên Bùi Văn T (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BD 5086XX tên Trần Thị Diễm K3 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DD 8724XX tên Nguyễn Trí L4 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CU 6817XX tên Phạm Văn Th5 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Chứng chỉ ngoại ngữ” số hiệu CC 0080XX, do Trường Đại Học H cấp cho Trần Minh Đ4 ngày 06/11/2023 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Sổ tiết kiệm có kỳ hạn” số AC 00023307XXX do Ngân hàng X3 – Chi nhánh quận Bình Ch5, Thành phố Hồ Chí Minh phát hành cho khách hàng Ngô Nguyễn Thùy D5 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư” ngày 30/9/2023 giữa Nguyễn Thị Thu Nh4 với Dương Thảo Nh5 có dấu mộc đỏ của Công ty TNHH Đầu tư A3 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Sao kê tài khoản” đối với số tài khoản 0701000458xxx khách hàng TRA VAN BINH do Ngân hàng Vietcombank phát hành có hình dấu mộc tròn đỏ của Ngân hàng thương mại cổ phần B3 – Chi nhánh Gò D3, Tây Ninh (do H4 giao nộp);

+ 02 (hai) “Bản vẽ sơ đồ nhà đất” người sử dụng đất “Nguyễn Văn C2” có hình dấu mộc tròn đỏ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc M3, Thành phố Hồ Chí Minh và hình dấu mộc đỏ của Công ty trách nhiệm hữu hạn đo đạc thiết kế xây dựng Đăng Kh3 (do H4 giao nộp);

+ 01 (một) “Bản vẽ sơ đồ nhà đất” người sử dụng đất “Nguyễn Đức Ph3” có hình dấu mộc tròn đỏ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hóc M3, Thành phố Hồ Chí Minh và hình dấu mộc đỏ của Trung tâm đo đạc bản đồ, Thành phố Hồ Chí Minh (do H4 giao nộp);

+ 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số DD 8724XX tên Nguyễn Trí L4 (bản sao có chứng thực bằng hình dấu tròn của Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh) (do H4 giao nộp);

+ 02 (hai) “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số CK 6354XX tên Bùi Văn T (bản sao có chứng thực bằng hình dấu tròn của Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh);

+ 03 (ba) “Chứng chỉ ngoại ngữ” số hiệu CC 0080XX, do Trường Đại Học H cấp cho Trần Minh Đ4 ngày 06/11/2023 (bản sao có chứng thực bằng hình dấu tròn của Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh) (do H4 giao nộp);

+ 02 (hai) “Sổ tiết kiệm có kỳ hạn” số AC 00023307XXX do Ngân hàng X3 – Chi nhánh quận Bình Ch5, Hồ Chí Minh phát hành cho khách hàng Ngô Nguyễn Thùy D5 (bản sao có chứng thực bằng hình dấu tròn của Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh);

+ 01 (một) “Chứng nhận tăng ni” số: 27.754/CNTN do Hội đồng trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam cấp cho Thích Huệ Th3 (Nguyễn Đức Ngh4) ngày 15/7/2022 (do H4 giao nộp).

- *Thu giữ của Vũ Thị Th2:*

+ 01 (một) “Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở” do Phòng giáo dục và đào tạo huyện Thống Nh3, tỉnh Đồng Nai cấp cho Lê Minh Th4 ngày 15/9/2020 (do Th2 giao nộp);

+ 03 (ba) “Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở” do Phòng giáo dục và đào tạo huyện Thống Nh3, tỉnh Đồng Nai cấp cho Lê Minh Th4 ngày 15/9/2020 (bản sao có chứng thực bằng hình dấu tròn của Văn phòng Công chứng Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh) (do Th2 giao nộp);

* Căn cứ Kết luận giám định số 2792/KL-KTHS(TL) ngày 31/7/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

+ Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 6817XX; DB 508632; CK 6354XX; ĐĐ 872474 (do Vũ Đình H4 giao nộp) đều là giả;

+ Các tài liệu Chứng nhận tăng ni; Chứng chỉ ngoại ngữ (do H4 giao nộp) đều là tài liệu giả;

+ Bằng tốt nghiệp trung học cơ sở (do Th2 giao nộp) là tài liệu giả;

+ Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn, Sổ tiết kiệm có kỳ hạn (do H4 giao nộp) là tài liệu giả;

+ Bản vẽ sơ đồ nhà đất đối với nhà đất tại địa chỉ số 46/1, ấp Mỹ Huệ, xã Trung Chánh, huyện Hóc M3 (do H4 giao nộp) là tài liệu giả.

+ Hợp đồng mua bán căn hộ chung cư ngày 30/9/2023 giữa bên bán là bà Nguyễn Thị Thu Nh4 và bên mua bà Dương Thảo Nh5 (do Huyện giao nộp) là tài liệu giả;

* Căn cứ Kết luận giám định Số A362/KL-KTHS(SKSM) ngày 03/4/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận:

Xe ô tô, nhãn hiệu: MITSUBISHI, số loại: XPANDER GLP, biển số 60A-981.xx, có số khung, số máy không đổi.

- Số khung: MK2LRNC1WLN024XXX;

- Số máy: 4A91KAB7xxx.

* Đồ vật thu giữ, tạm giữ:

- Thu giữ của bị can Bùi Thanh T:

+ 01 (một) xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi Xpander, biển số 60A-981.xx (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số máy: MQAK2LL/A, số Sê-ri: FK1VN39NJCLJ, số Emei: 359406083357xxx (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) khay mực dấu màu đỏ (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ Tiền mặt: 1.000.000.000 đồng (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) Căn cước công dân số: 01708500xxxx tên Bùi Thanh T do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/5/2021 (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) thẻ Ngân hàng BIDV số thẻ 9704180000046 75xxxx tên Bui Thanh T (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank, số thẻ 478097002287xxxx tên Bui Thanh T (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank, số thẻ 422149869918xxxx tên Bui Thanh T (thu giữ trong quá trình bắt quả tang);

+ 01 (một) túi da màu nâu có chữ “Ford” (thu giữ quá trình kiểm tra xe ô tô, biển số 60A-981.xx);

- Thu giữ của Vũ Đình H4:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone (thu giữ khi khám xét);

+ 47 (bốn mươi bảy) túi đựng hồ sơ dùng để đựng tài liệu giả khi giao cho khách hàng (thu giữ khi khám xét);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A12, số kiểu máy: SM-A127F/DS, số Sêri: R58T2007VDT, số Imei (khe 1): 354813607180187, số Imei (khe 2): 35676663718xxxx (do Vũ Đình H4 giao nộp);

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, số máy: MKU32ZD/A, số Sê-ri: C39QQFU5GRWM, số Imei: 353334072361534 (do Vũ Đình H4 giao nộp);

+ 11 (mười một) túi đựng hồ sơ (05 túi màu trắng, 06 túi màu cam).

- *Thu giữ của Trần Thị L4:*

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A38, kiểu máy CPH 2579, màu đen, bên trong có gắn sim số 0964027xxx;

- Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại cho bị hại Phạm Hùng C2;

- Đối với xe ô tô nhãn hiệu Mitshubishi Xpander, biển số 60A-981.xx, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định xử lý vật chứng và đã trả lại cho bị hại Trần Thị L4;

- Đối với:

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số kiểu máy: MQAK2LL/A, số Sê-ri: FK1VN39NJCLJ, số Emei: 359406083357xxx;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A38, số kiểu máy CPH 2579, màu đen, bên trong có gắn sim số 0964027xxx;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Glaxy A12, số kiểu máy: SM-A127F/DS, số Sê-ri: R58T2007VDT, số Imei (khe 1): 354813607180187, số Imei (khe 2): 35676663718xxxx;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, số kiểu máy: MKU32ZD/A, số Sê-ri: C39QQFU5GRWM, số Imei: 353334072361534;

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone;

+ 01 (một) khay mực dấu màu đỏ;

+ 01 (một) Căn cước công dân số: 01708500xxxx tên Bùi Thanh T do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/5/2021;

+ 01 (một) thẻ Ngân hàng BIDV số thẻ 9704180000046 75xxxx tên Bui Thanh T;

+ 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank, số thẻ 478097002287xxxx tên Bui Thanh T;

+ 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank, số thẻ 422149869918xxxx tên Bui Thanh T;

+ 01 (một) túi da màu nâu có chữ “Ford”; 47 (bốn mươi bảy) túi đựng hồ sơ dùng để đựng tài liệu giả khi giao cho khách hàng;

+ 11 (mười một) túi đựng hồ sơ (05 túi màu trắng, 06 túi màu cam).

- *Đối với các tài liệu thu giữ còn lại lưu theo hồ sơ vụ án.*

* *Về trách nhiệm dân sự:*

- Ông Phạm Hùng C2 yêu cầu Bùi Thanh T trả lại 1.500.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt.

- Bà Trần Thị L4 yêu cầu Bùi Thanh T trả lại 3.000.000.000 đồng mà T đã chiếm đoạt.

Tại bản Cáo trạng số: 163/CT-VKS-P2 ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) đã truy tố:

- Bị cáo Bùi Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Vũ Đình H4 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Bị cáo Vũ Thị Th2 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo.

Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt:

- Bị cáo Bùi Thanh T mức hình phạt từ 14 (mười bốn) năm đến 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và mức hình phạt từ 04 (bốn) năm đến 05 (năm) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội từ 18 (mười tám) năm đến 20 (hai mươi) năm tù.

- Bị cáo Vũ Đình H4 mức hình phạt từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Bị cáo Vũ Thị Thuý mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Bùi Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Hùng C2 số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng; bà Trần Thị L4 số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Về xử lý vật chứng: đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo có đơn xin xét xử vắng mặt và có gửi Bản luận cứ bào chữa cho bị cáo với nội dung như sau: Thông Nh3 về tội danh và điều khoản mà Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đã quyết định truy tố đối với bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm

sát đã áp dụng bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Bùi Thanh T đồng ý với nội dung bào chữa, không tham gia tranh luận, bổ sung gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình H4 trình bày: Thống Nh3 về tội danh và điều khoản mà Cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đã quyết định truy tố đối với bị cáo; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã áp dụng. Tuy nhiên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thực hiện hành vi trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về công việc và tài chính; là trụ cột kinh tế chính của gia đình nhưng đang trong tình trạng thất nghiệp, không có thu nhập nuôi sống gia đình, vợ vừa mới sinh con vào năm 2023; bản thân bị cáo là người thiếu hiểu biết pháp luật, không lường trước được hậu quả pháp lý nghiêm trọng của hành vi; bị cáo H4 bị tai nạn chấn thương sọ não nặng vùng đầu – mặt, phải điều trị nằm thực vật và mất trí nhớ trong thời gian dài, hiện nay tinh thần đã ổn định hơn trước, nhưng nhận thức rất kém và tình trạng trí nhớ không ổn định, điều này ảnh hưởng đến khả năng nhận thức và điều khiển hành vi trong cuộc sống hàng ngày; bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, chủ động phối hợp với cơ quan điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án; số tiền thu được từ việc đi giao tài liệu giả bị cáo đã chủ động khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính với số tiền là 10.000.000 đồng và đã giao trả toàn bộ tài liệu làm giả, chứng cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo Vũ Đình H4 đồng ý với phần trình bày của người bào chữa, không tham gia tranh luận, bổ sung gì thêm.

Bị cáo Vũ Thị Th2 không tham gia tranh luận.

Bị hại đồng ý với phần luận tội và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị; đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thanh T theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng bị cáo T mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo H4, Th2 xin xem xét giảm nhẹ và xin được hưởng án treo để các bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh T theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự: quá trình điều tra, Luật sư Phạm Thị Minh T2 tham gia trong quá trình làm việc, hỏi cung bị can. Tuy nhiên tại phiên tòa, Luật sư T vắng mặt; bị cáo có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử; bị cáo không cần phải có mặt Luật sư tại phiên tòa, bị cáo xin tự bào chữa. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của bị cáo nên tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 77 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trong quá trình điều tra, các kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Do cần tiền tiêu xài, Bùi Thanh T đã đặt làm giả các giấy tờ liên quan của thửa đất 178, 179, 180, tờ bản đồ Số X3, tọa lạc tại phường Linh T3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, làm giả Hợp đồng đặt cọc mua bán thửa đất trên giữa T với Phạm Công M2 và Phạm Văn Th4 và đặt làm giả 11 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở tài nguyên và môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp (được tách từ thửa đất 178, 179, 180, tờ bản đồ Số X3) nhằm mục đích lừa dối chiếm đoạt tổng số tiền 5.500.000.000 (năm tỷ năm trăm triệu) đồng cụ thể chiếm đoạt của ông Phạm Hùng C2 số tiền 2.500.000.000 (hai tỷ năm trăm triệu) đồng; chiếm đoạt của bà Trần Thị L4 số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng thông qua hình thức góp vốn mua đất gồm các thửa đất 178, 179, 180, tờ bản đồ Số X3, tọa lạc tại phường Linh T3, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo Vũ Đình H4 biết rõ nguồn gốc các tài liệu mà đối tượng có tên tài khoản zalo “F”, “Cao K” và “Son Ng3” đưa cho H4 để đi giao cho khách hàng là tài liệu giả, nhưng do cần tiền tiêu xài cá nhân nên H4 vẫn cố ý thực hiện nhằm hưởng tiền công từ các đối tượng trên, với tổng số tài liệu giả xác định được là 13 tài liệu; bị cáo Vũ Thị Th2 giới thiệu cho Vũ Đình H4 tham gia vận chuyển các tài liệu giả của cơ quan, tổ chức cho đối tượng làm giả. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố các bị cáo: Bùi Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; Vũ Đình H4 về tội

“Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Vũ Thị Th2 về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi dùng thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại được pháp luật bảo vệ. Hành vi cung cấp thông tin để đặt làm giả giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất để sử dụng thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng; bị cáo Vũ Đình H4 biết rõ nguồn gốc các tài liệu đi giao cho khách hàng là sổ tài liệu giả nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm hưởng lợi tiền công từ các đối tượng thuê đi giao; bị cáo Vũ Thị Th2 giới thiệu Vũ Đình H4 đi giao các tài liệu giả là đồng phạm với vai trò giúp sức; đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài liệu, giấy tờ của cơ quan, tổ chức, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội; các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo đã cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân vai trò của từng bị cáo để xử phạt các bị cáo một mức án cho phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Vũ Đình H4, Vũ Thị Th2 không có tình tiết tăng nặng; bị cáo Bùi Thanh T phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Bùi Thanh T, Vũ Đình H4 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Vũ Thị Thuý thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Vũ Đình H4 sau khi phạm tội đã nộp lại khoản tiền thu lợi bất chính với số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn; có giấy xác nhận điều trị bệnh có di chứng do chấn thương sọ não; bị cáo Vũ Thị Thuý có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là các tình tiết giảm nhẹ quy định khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án đối với tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; Hội đồng xét xử xét thấy; bị cáo Vũ Đình H4 tham gia với vai trò giúp sức cho các đối tượng làm giả. Tuy nhiên giữa bị cáo và các đối tượng làm giả không có sự bàn bạc chỉ thực hiện công việc để hưởng lợi khi nhận đi giao hàng theo yêu cầu, bị cáo thực hiện với vai trò thụ động; ban đầu bị cáo không biết việc bị cáo nhận đi giao hàng là các loại giấy tờ giả, nhưng sau vài lần giao bị cáo biết được nhưng không trình báo là vi phạm pháp luật; bị cáo Vũ Thị Thuý chỉ vì muốn tìm việc làm cho anh ruột là Vũ Đình H4 nhưng không tìm hiểu rõ công việc làm này có vi phạm pháp luật hay không, cũng tương tự như bị cáo H4 sau khi phát hiện việc làm của mình là vi phạm pháp luật nhưng không trình báo với các cơ quan chức năng. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến trật tự xã hội trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về quản lý tài liệu, con dấu của các cơ quan tổ chức. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo H4 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; số tiền thu lợi bất chính không lớn và đã nộp lại số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng; bị cáo đang mắc bệnh hiểm nghèo; bị cáo Thuý thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đang nuôi con nhỏ (dưới 36 tháng tuổi) trong vụ án này bị cáo không có hưởng lợi; do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục và không gây nguy hiểm cho xã hội; Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, tạo điều kiện cho các bị cáo được tự cải tạo, sửa chữa bản thân, làm người có ích cho gia đình và xã hội; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn hối cải, đề cao tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: ông Phạm Hùng C2 yêu cầu bị cáo T thanh toán số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng, bà Trần Thị L4 yêu cầu bị cáo T thanh toán số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý thanh toán theo yêu cầu của các bị hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A12; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

Đối với: 01 Căn cước công dân mang tên Bùi Thanh T; 01 thẻ Ngân hàng BIDV; 02 thẻ Ngân hàng Techcombank; tất cả mang tên Bùi Thanh T là giấy tờ tùy thân; giấy tờ dùng trong giao dịch tài chính nên trả lại cho Bùi Thanh T;

Đối với: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A38 là tài sản cá nhân của bà Trần Thị L4 không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bà Trần Thị L4.

Đối với: 01 khay mực dấu màu đỏ; 01 túi da màu nâu có chữ “Ford”; 47 túi đựng hồ sơ dùng để đựng tài liệu giả khi giao cho khách hàng; 11 túi đựng hồ sơ (05 túi màu trắng, 06 túi màu cam) không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với: Số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bị cáo Vũ Đình H4 nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) theo Biên lai thu tiền số 0000784 là tiền thu lợi bất chính nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo Bùi Thanh T là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo Vũ Đình H4, Vũ Thị Thuý là phù hợp tuy nhiên như đã phân tích trên nên áp dụng hình phạt tù có điều kiện cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

[11] Ý kiến trong bản luận cứ của người bào chữa chỉ định cho bị cáo Bùi Thanh T là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình H4 là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Bùi Thanh T có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

1. Về trách nhiệm hình sự

1.1 Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Bùi Thanh T 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) buộc bị cáo Bùi Thanh T phải chấp hình phạt chung cho cả 02 tội là 19

(mười chín) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02 tháng 01 năm 2024.

1.2 Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Vũ Đình H4 03 (ba) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 9 năm 2025).

1.3 Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Vũ Thị Thuý 01 (một) năm tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm(12/9/2025);

Giao các bị cáo Vũ Đình H4; Vũ Thị Thuý về cho Ủy ban nhân dân phường Tam B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc bị cáo Bùi Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Hùng C2 số tiền 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L4 số tiền 3.000.000.000 (ba tỷ) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.1 Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động Iphone X màu trắng, số máy: MQAK2LL/A, số Sê-ri: FK1 VN39NJCLJ, số Imei: 359406083357xxx, trong bì thư niêm phong có chữ ký ĐTV Nguyễn Văn Chiến, KTHS Trần Minh Tùng và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương;

- 01 (một) điện thoại di động Samsung Galaxy A12, số kiểu máy SM-A127F/DS, số Sê-ri: R58T2007VDT, số Imei (khe 1): 3548140718xxxx, số Imei (khe 2): 35676663718xxxx; trong bì thư niêm phong có chữ ký ĐTV Nguyễn Văn Chiến, KTHS Trần Minh Tùng và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone 6S Plus, số máy: MKU32ZD/A, số Sê-ri: C39QQFU5GRWM, số Imei: 353334036xxxx, trong bì thư niêm phong có chữ ký ĐTV Nguyễn Văn Chiến, KTHS Trần Minh Tùng và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương;

- 01 (một) điện thoại di động Iphone (chưa kiểm tra), trong bì thư niêm phong có chữ ký ĐTV Nguyễn Văn Chiến, KTHS Trần Minh Tùng và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương;

- Số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng do bị cáo Vũ Đình H4 nộp theo Biên lai thu tiền số 0000784 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 04 tháng 6 năm 2025.

3.2 Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) khay mực dấu màu đỏ;

- 01 (một) túi da màu nâu có chữ “Ford”;

- 47 (bốn mươi bảy) túi đựng hồ sơ dùng để đựng tài liệu giả khi giao cho khách hàng;

- 11 (mười một) túi đựng hồ sơ (05 túi màu trắng, 06 túi màu cam).

3.3 Trả lại cho Bùi Thanh T:

- 01 (một) Căn cước công dân số: 01708500xxxx mang tên Bùi Thanh T do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/5/2021;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng BIDV số thẻ 970418000004675xxxx mang tên Bui Thanh T;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank, số thẻ 4780 9700 2287 xxxx mang tên Bui Thanh T;

- 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank, số thẻ 4221 4986 9918xxxx mang tên Bui Thanh T;

3.4 Trả lại cho bà Trần Thị L4: 01 (một) điện thoại di động OPPO A38, số kiểu máy CPH 2579, màu đen, bên trong có gắn sim số 0964027xxx; trong bì thư niêm phong có chữ ký ĐTV Nguyễn Văn Chiến, KTHS Trần Minh Tùng và dấu đỏ niêm phong của phòng KTHS Công an tỉnh Bình Dương;

(Vật chứng đã chuyển giao giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh) theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 19 tháng 6 năm 2025).

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Bùi Thanh T, Vũ Đình H4, Vũ Thị Th2; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Bùi Thanh T phải chịu 112.500.000 (một trăm mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được giao theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng (05);
- Trại Tạm giam số 2 - Công an TP. Hồ Chí Minh (02);
- Bị cáo (03);
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú (03);
- Phòng Giám đốc kiểm tra, Thanh tra và Thi hành án hình sự (03);
- Lưu: VP (9), hồ sơ vụ án, 32, (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Văn Lộc